

ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH CỦA TIẾNG VIỆT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được những nét khái quát về đặc điểm loại hình của tiếng Việt ; nắm được đặc điểm của "tiếng" với tư cách là đơn vị ngữ pháp cơ bản của tiếng Việt.*
- *Biết vận dụng những hiểu biết trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.*

I – TIẾNG VIỆT THUỘC LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ ĐƠN LẬP

Theo một cách phân loại được thừa nhận rộng rãi, tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ *đơn lập*. Trong loại hình này còn có tiếng Hán và một số ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á, châu Úc, châu Phi,...

Trong các ngôn ngữ đơn lập, đơn vị ngữ pháp cơ bản có hình thức là một *âm tiết*, thường có *nghĩa* và có thể được dùng như một *từ*. Trong câu, ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị chủ yếu bằng trật tự từ và hư từ, còn từ không biến đổi hình thái. Vì từ trong các ngôn ngữ đơn lập không biến đổi hình thái nên các ngôn ngữ đơn lập còn được gọi là ngôn ngữ *không có hình thái*, hay ngôn ngữ *không biến hình*,...

Tiếng Việt được coi là một trong những ngôn ngữ tiêu biểu của loại hình đơn lập. Những đặc trưng của tiếng Việt, với tư cách là một ngôn ngữ đơn lập, được thể hiện rõ nét ở đơn vị ngữ pháp cơ bản và các phương tiện ngữ pháp chủ yếu của nó.

II – ĐƠN VỊ NGỮ PHÁP CƠ BẢN CỦA TIẾNG VIỆT

Đơn vị ngữ pháp cơ bản của tiếng Việt được gọi là *tiếng*. Bắt đầu từ *tiếng*, có thể trực tiếp hay gián tiếp tạo nên tất cả các đơn vị có nghĩa như *từ, cụm từ, câu*. *Tiếng* trong tiếng Việt có những đặc điểm riêng về ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ pháp.

1. Đặc điểm ngữ âm của tiếng

Xét về phương diện ngữ âm, mỗi *tiếng* là một *âm tiết*. Đối với người Việt, xác định một câu có bao nhiêu tiếng và ranh giới của mỗi tiếng ở đâu là việc dễ dàng. Chẳng hạn, nghe một câu thơ lục bát, người Việt ai cũng có thể nhận ra dòng trên có sáu tiếng, dòng dưới có tám tiếng :

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

(Nguyễn Du – *Truyện Kiều*)

Trong cách phát âm tiếng Việt, không có hiện tượng nối âm từ âm tiết nọ sang âm tiết kia (như thường thấy trong tiếng Anh, tiếng Pháp,...). Chẳng hạn, *các anh, một ổ* không bao giờ được phát âm thành *cá canh, mộ tổ*.

Về cấu tạo của âm tiết tiếng Việt, có hai đặc điểm quan trọng cần lưu ý :

– Thứ nhất, âm tiết nào cũng mang *thanh điệu*. Thanh điệu có ảnh hưởng to lớn đến nhạc điệu của câu. Việc phối hợp các thanh bằng hoặc thanh trắc có thể mang lại những hiệu quả đặc biệt. Chẳng hạn, Tản Đà có hai câu thơ dùng các tiếng trắc và tiếng bằng thật tài tình :

*Tài cao phận thấp, chí khí uất
Giang hồ mê chơi quên quê hương.*

(Tản Đà – *Thăm má cũ bên đường*)

– Thứ hai, ngoài thanh điệu, âm tiết còn có hai phần chính khác : *phần âm đầu* và *phần vần* (ví dụ : âm tiết *toan* có cấu tạo là *t'oan*). Phần vần có hạt nhân là một nguyên âm giữa vần, được gọi là *âm chính*. Cùng với thanh điệu, âm chính bao giờ cũng phải có mặt trong âm tiết.

Thói quen *nói lái*, một cách chơi chữ đặc sắc của người Việt, là do những đặc điểm về thanh điệu, về âm đầu, về vần của âm tiết tiếng Việt (ví dụ : *cá đối* → *cối đá*). Những đặc điểm này còn được thấy qua *phép lái*, là một trong những

phương thức cấu tạo từ quan trọng của tiếng Việt (ví dụ : *đẹp* → *đẹp đẽ* ; *lạnh* → *lạnh lẽo, lạnh lùng, lành lạnh* ; *nhỏ* → *nhỏ nhắn, nhỏ nhoi, nhỏ nhen, nhỏ nhỏ* ; *bình* → *bình bình* ; *quanh* → *loanh quanh,...*).

2. Đặc điểm ngữ nghĩa của tiếng

Trong tiếng Việt, *tiếng* là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa hoặc tiềm tàng khả năng trở thành đơn vị có nghĩa.

Các tiếng như *cha, mẹ, nhà, cửa, núi, sông, ăn, uống, mệt, khoẻ, tốt, xấu,...* đều có nghĩa, được dùng để gọi tên sự vật, hành động, trạng thái, tính chất,...

Những tiếng như *thủy, hoả, thảo,...* tuy không thể dùng riêng để gọi tên sự vật, hiện tượng nhưng nghĩa của chúng cũng có thể được nhận biết qua sự đối chiếu các tổ hợp chứa chúng. Chẳng hạn :

– Đối chiếu *thủy quán, thủy chiến, thủy thủ, thủy triều, thủy lợi,...* có thể biết *thủy* là "nước".

– Đối chiếu *hoả xa, hoả tiễn, hoả pháo, hoả lực, cầu hoả,...* có thể biết *hoả* là "lửa".

Còn những tiếng như *áp* (trong *ấm áp*), *lẽo* (trong *lạnh lẽo*), *lùng* (trong *lạnh lùng*),... thì quả không dễ giải thích nghĩa. Tuy nhiên, nếu so sánh *ấm* với *ấm áp*, *lạnh* với *lạnh lẽo* và *lạnh lùng* thì có thể thấy được tác dụng tạo nghĩa của *áp, lẽo, lùng* và qua đó hiểu được nghĩa của chúng. Chẳng hạn, *lạnh* trong bản tin thời tiết chỉ có nghĩa là cái lạnh khách quan, có tính vật lí, bên ngoài, nhưng trong câu *Mẹ mới về quê mấy hôm, căn phòng đã trở nên lạnh lẽo* thì cái lạnh ở đây lại là cái lạnh chủ quan, cái lạnh của lòng người. Chính tiếng *lẽo* đã góp phần tạo ra sự khác biệt về ngữ nghĩa ấy giữa *lạnh* và *lạnh lẽo*.

Khi nói rằng nhìn chung *tiếng* trong tiếng Việt đều có nghĩa, chúng ta đã tạm tách riêng một số tiếng được coi là không có nghĩa. Đó là những tiếng như *bồ, hóng* (trong *bồ hóng*) ; *đuôi, uoi* (trong *đuôi uoi*),... đặc biệt, một số lớn là những tiếng trong từ mượn gốc Âu như *kì, lô* (trong *kì-lô*) ; *ra, đi, ô* (trong *ra-đi-ô*) ;... Tuy nhiên, về những tiếng loại này, cần ghi nhận khả năng được dùng như những tiếng có nghĩa hoặc khả năng có thể được dùng lâm thời như những tiếng có nghĩa, ví dụ :

– *Mua năm kí thịt.*

– *Ra-đi-ô với vô-đi-ô gì!*

Đặc điểm ngữ nghĩa của tiếng đã góp phần tạo ra cách *nói lái*, cách làm thơ *thuận nghịch đọc* (đọc xuôi hay đọc ngược đều có nghĩa), cách làm *câu đối* của người Việt,...

3. Đặc điểm ngữ pháp của tiếng

Xét về mặt ngữ pháp, *tiếng* có những đặc điểm quan trọng sau đây :

– Trong rất nhiều trường hợp, mỗi tiếng là một *từ đơn* có thể đảm nhiệm một chức năng ngữ pháp nào đó trong câu. Ví dụ, các tiếng trong hai câu thơ sau đây :

*Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

(Nguyễn Du – *Truyện Kiều*)

– Trong những trường hợp còn lại, mỗi tiếng là một thành tố cấu tạo nên các từ ghép (*binh lính, nối niêm, sĩ quan, phong cảnh,...*), từ láy (*xấp xè, gai góc, xôn xao, lấm cẫm,...*) hoặc từ ngẫu kết (*bỏ hóng, đười ươi, mặc cả,...*).

Ngay cả trong trường hợp tiếng chỉ là một thành tố cấu tạo từ phức, nó vẫn có khả năng hoạt động như một từ. Chẳng hạn, các tiếng trong từ láy *vội vàng* có thể được tách ra, dùng làm thời như hai từ độc lập :

*Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây.*

(Ca dao)

Chính những đặc điểm về ngữ nghĩa và ngữ pháp trên đây của tiếng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự mơ hồ về kết hợp trong một số câu. Ví dụ, xét câu : *Công việc nhà chồng chị lo liệu tất cả*. Với câu hỏi *Ai lo công việc ?*, có đến ba khả năng trả lời đúng. Trong những trường hợp như vậy, để tránh hiểu nhầm, khi nói chúng ta cần ngắt, nghỉ đúng chỗ và khi viết, cần dùng dấu câu thích hợp. Chẳng hạn :

- *Công việc nhà chồng, chị lo liệu tất cả.*
- *Công việc nhà, chồng chị lo liệu tất cả.*
- *Công việc, nhà chồng chị lo liệu tất cả.*

LUYỆN TẬP

1. Dựa trên những đặc điểm của *tiếng*, hãy phân tích sự tinh tế và cái hay trong mỗi vế đối sau :

– *Chuông gà kê áp chuông vịt.*

– *Trò chơi trời cho.*

2. Trong bài thơ *Đây mùa thu tới*, Xuân Diệu viết :

*Hơn một loài hoa đã rụng cành,
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh ;
Nhưng luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.*

Hãy phân tích giá trị của những từ láy được dùng trong khổ thơ trên.

3. Bài thơ *Đền Ngọc Sơn* (khuyết danh) sau đây thuộc loại thơ "thuận nghịch đọc".

Đọc xuôi :

*Linh uy tiếng nổi thật là đây
Nước chấn hoa rào một khóm mây
Xanh biếc nước soi hồ lộn bóng
Tím bầm rêu mọc đá tròn xoay
Canh tàn lúc đánh chuông âm tiếng
Khách vắng khi đưa xạ ngát bay
Thành thị tiếng vang đồn cảnh thắng
Rành rành nọ bút với nghiên này.*

Đọc ngược :

*Này nghiên với bút nọ rành rành
Thắng cảnh đồn vang tiếng thị thành
Bay ngát xạ đưa khi vắng khách
Tiếng âm chuông đánh lúc tàn canh
Xoay tròn đá mọc rêu bầm tím
Bóng lộn hồ soi nước biếc xanh
Mây khóm một rào hoa chấn nước
Đây là thật nổi tiếng uy linh.*

Hãy vận dụng những hiểu biết về *tiếng* để giải thích hiện tượng "thuận nghịch đọc" trên đây.

4. Đọc đoạn thơ sau đây :

*Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lững lờ khe Yến cá nghe kinh.
Vẳng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.*

*Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Vông,
Này hang Phật Tích, này động Tuyết Quỳnh.
Nhác trông lên ai khéo họa hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.*

*Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây,
Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hoá khéo ra tay xếp đặt.*

(Chu Mạnh Trinh – Bài ca phong cảnh Hương Sơn)

- a) Hãy chỉ ra những hiện tượng đối trong đoạn thơ.
- b) Cho biết hiện tượng đối trên đây đã dựa vào những đặc điểm gì của *tiếng*.